

Phụ lục

DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, THEO DỐI THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2019/TT-BTP ngày 12/11/2019 của Bộ Tư pháp quy định Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính)

Số TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Trách nhiệm thực hiện và kỳ thực hiện			
			Chấp hành viên	Chi cục Thi hành án dân sự	Cục Thi hành án dân sự	Phòng Thi hành án quân khu
	1	2	3	4	5	
1	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc	01/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
2	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền	02/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
3	Kết quả thi hành cho ngân sách nhà nước	03/TK-THA	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
4	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên	04/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
5	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên	05/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
6	Kết quả đề nghị, xét miễn và giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự	06/TK-THA		Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
7	Kết quả cưỡng chế thi hành án dân sự	07/TK-THA		Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
8	Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự	08/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 6 tháng, kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
9	Tiếp công dân trong thi hành án dân sự	09/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
10	Kết quả giám sát, kiểm sát thi hành án dân sự	10/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
11	Kết quả bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự	11/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng
12	Kết quả theo dõi việc thi hành án hành chính	12/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 10 tháng, Kỳ 12 tháng

Biểu số: 01/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 12 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

KET QUẢ THI HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH BANG VIỆC

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Năm trước	Chia ra:		Ủy thác thi hành án	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:						Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện			
					Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong				Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:	Chia ra:					
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A																				
I Tổng số việc chủ động																				
1	Dân sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kinh doanh, thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tin dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	DS trong hình sự (các tội XPTTQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trong tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II Tổng số việc theo yêu cầu																				
1	Dân sự	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Kinh doanh, thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Tin dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	DS trong hình sự (các tội XPTTQLKT)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	DS trong hình sự (khác)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	DS trong hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Hôn nhân và gia đình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Lao động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Phá sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Trong tài Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Vụ việc cạnh tranh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
13	Loại khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án	-	-
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50		
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50		
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50		
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50		
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50		
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50		
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50		
2	Trường hợp khác	-	-
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại		
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án		
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền		
3	Số hoãn thi hành án	-	-
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48		
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48		
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48		
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48		
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48		
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48		
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		
3.9	Khoản 2 Điều 48		
4	Số tạm đình chỉ thi hành án	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49		
4.2	Khoản 2 Điều 49		
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a	-	-
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a		
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a		
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a		
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác		
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng		-

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 01/TK-THA

Kết quả thi hành án tính bằng việc

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

- Tổng số bản án, quyết định đã nhận là số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận trong kỳ, bao gồm bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Tổng số việc giải quyết là số việc cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số việc năm trước chuyển sang là số việc chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của những năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng là số việc đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số việc mới thụ lý là số việc cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số việc ủy thác là số việc đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án và số việc ủy thác một phần).

- Việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới.

- Tổng số việc phải thi hành là số việc Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số

việc chuyển sổ theo dõi riêng, số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Việc có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm việc thi hành xong, việc đình chỉ thi hành án, việc đang thi hành, việc hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự và việc thuộc diện trường hợp khác.

- Việc chưa có điều kiện thi hành được xác định như sau:

+ Là việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng);

+ Việc thi hành án mà người phải thi hành án có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ khác mà đã xác định được số tiền còn lại không đủ để thi hành án hoặc tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo xét xử và thi hành cho nghĩa vụ khác;

+ Việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước.

- Tổng số việc thi hành xong là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số việc đã có quyết định đình chỉ thi hành án.

- Việc thi hành xong được xác định trong như sau:

+ Đương sự đã thi hành xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ theo quyết định thi hành án;

+ Chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong một phần, hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý thi hành án;

+ Việc thi hành án mà cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được thi hành án đến nhận tiền, tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ;

+ Việc thi hành án có nội dung giao số tiền, tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã thực hiện xong việc giao tiền, tài sản.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự (trừ việc đình chỉ một phần).

- Việc đang thi hành là số việc Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật thi hành án dân sự là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn thi hành án khi đương sự đồng ý hoãn thi hành án bằng văn bản có chữ ký của đương sự.

- Việc trường hợp khác là số việc đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và số việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc hoãn thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (trừ trường hợp hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự).

- Việc tạm đình chỉ là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”, “Việc” và “%”. Mỗi quyết định thi hành án được tính là một việc.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ sách thi hành án dân sự có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên, tên Chi cục nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Chi cục), tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ghi tên Chấp hành viên và tên Cục Thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Cục).

c) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: Đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục, phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Trang 1

a) Cột:

- Cột số 2 = Cột (3 + 4)
- Cột 7 = Cột (8 + 15 + 16 + 17) = Cột (2 – 5 – 6)
- Cột 8 = Cột (9 + 12 + 13 + 14)
- Cột 9 = Cột (10 + 11)
- Cột 18 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột 19 = Cột (9/8) x 100

b) Dòng:

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng I = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

5.2.2. Trang 2

- Dòng 1 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.5 + 1.6 + 1.7 + 1.8)
- Dòng 2 = Dòng (2.1 + 2.2 + 2.3)
- Dòng 3 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.8 + 3.9)
- Dòng 4 = Dòng (4.1 + 4.2)
- Dòng 5 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

Biểu số: 02/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
 ngày 12 tháng 11 năm 2019
 Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG TIỀN
tháng/năm

Đơn vị báo cáo:
 Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Tổng số thi hành xong	Chia ra:				Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ.48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện		
			Năm trước (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới	Ủy thác thi hành án					Tổng số thi hành xong	Thi hành xong	Đình chỉ	Giám nghĩa vụ thi hành án						Đang thi hành	Hoàn thi điểm c k1, Đ.48
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A																				
I	Tổng số việc chi, đóng																			
1	Dẫn sự																			
2	Kinh doanh, thương mại																			
3	Tin dụng																			
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)																			
5	DS trong hình sự (các tội XPTT-QLKT)																			
6	DS trong hình sự (khác)																			
7	DS trong hành chính																			
8	Hôn nhân và gia đình																			
9	Leo động																			
10	Phá sản																			
11	Trong tài Thương mại																			
12	Vụ việc cạnh tranh																			
13	Loại khác																			
II	Tổng số việc theo yêu cầu																			
1	Dẫn sự																			
2	Kinh doanh, thương mại																			
3	Tin dụng																			
4	DS trong hình sự (tội phạm chức vụ)																			
5	DS trong hình sự (các tội XPTT-QLKT)																			
6	DS trong hình sự (khác)																			
7	DS trong hành chính																			
8	Hôn nhân và gia đình																			
9	Leo động																			
10	Phá sản																			
11	Trong tài Thương mại																			
12	Vụ việc cạnh tranh																			
13	Loại khác																			

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20....
NGƯỜI LẬP BIỂU

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20....
CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị B

Nguyễn Văn A

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Chỉ tiêu		Chủ động	Theo yêu cầu
1	Số đình chỉ thi hành án	-	-
1.1	Điểm a khoản 1 Điều 50		
1.2	Điểm b khoản 1 Điều 50		
1.3	Điểm c khoản 1 Điều 50		
1.4	Điểm d khoản 1 Điều 50		
1.5	Điểm đ khoản 1 Điều 50		
1.6	Điểm e khoản 1 Điều 50		
1.7	Điểm g khoản 1 Điều 50		
1.8	Điểm h khoản 1 Điều 50		
2	Trường hợp khác	-	-
2.1	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại		
2.2	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án		
2.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền		
3	Số hoãn thi hành án	-	-
3.1	Điểm a khoản 1 Điều 48		
3.2	Điểm b khoản 1 Điều 48		
3.3	Điểm c khoản 1 Điều 48		
3.4	Điểm d khoản 1 Điều 48		
3.5	Điểm đ khoản 1 Điều 48		
3.6	Điểm e khoản 1 Điều 48		
3.7	Điểm g khoản 1 Điều 48		
3.8	Điểm h khoản 1 Điều 48		
3.9	Khoản 2 Điều 48		
4	Số tạm đình chỉ thi hành án	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49		
4.2	Khoản 2 Điều 49		
5	Số chưa có điều kiện theo Điều 44a	-	-
5.1	Điểm a khoản 1 Điều 44a		
5.2	Điểm b khoản 1 Điều 44a		
5.3	Điểm c khoản 1 Điều 44a		
5.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác		
6	Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng		-

*Ghi chú: Mục (6) Số chưa có điều kiện đã chuyển sổ theo dõi riêng có sổ theo dõi và danh sách cụ thể được quản lý tại các cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự.

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 02/TK-THA

Kết quả thi hành án tính bằng tiền

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền và các nghĩa vụ về tài sản, nghĩa vụ khác cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số tiền năm trước chuyển sang là số tiền chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng là số tiền đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số tiền mới thụ lý là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số tiền ủy thác là số tiền đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thắng khi chưa ra quyết định thi hành án).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới hoặc sửa quyết định thi hành án.

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền chuyển sổ theo dõi riêng, số tiền ủy thác thi hành án, số tiền thu hồi, hủy quyết định thi hành án, số tiền bị giảm do sửa quyết định thi hành án.

- Tiền có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm tiền thi hành xong, tiền đình chỉ thi hành án, giảm nghĩa vụ thi hành án, tiền đang thi hành, tiền hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự và tiền thuộc diện trường hợp khác.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) được xác định như sau:

+ Là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi Chấp hành viên xử lý tài sản của người phải thi hành án hoặc sau khi người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án.

+ Số tiền của việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần tiền để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi đổi trừ giá trị tài sản tại thời điểm báo cáo mà đã giảm giá lần thứ hai không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- Tổng số tiền thi hành xong là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số tiền đã có quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án nhân dân.

- Tiền thi hành xong là số tiền thực tế cơ quan Thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong và số tiền, tài sản thi hành án đã thu được, cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được nhận tiền, tài sản đến nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; tiền, tài sản đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tiền đình chỉ thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền giảm nghĩa vụ thi hành án là số tiền Tòa án nhân dân cùng cấp đã ra quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.

- Tiền đang thi hành là số tiền Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật thi hành án dân sự là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn thi hành án khi đương sự đồng ý hoãn thi hành án bằng văn bản, có chữ ký của đương sự.

- Tiền trường hợp khác là những số tiền đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số tiền của việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và tiền của việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (trừ hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự).

- Tiền tạm đình chỉ là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “1.000 VND” và “%”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ sách thi hành án dân sự có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên, tên Chi cục nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Chi cục), tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ghi tên Chấp hành viên và tên Cục Thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Cục).

c) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: Đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục

Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án dân sự trong quân đội.

5.2.1. Trang 1

a) Cột:

- Cột số 1 = Cột (2 + 3)
- Cột 6 = Cột (7 + 15 + 16 + 17) = Cột (1 - 4 - 5)
- Cột 7 = Cột (8 + 12 + 13 + 14)
- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)
- Cột 18 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột số 19 = Cột (8/7) x 100

b) Dòng:

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng I = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6 + 7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13)

5.2.2. Trang 2

- Dòng 1 = Dòng (1.1 + 1.2 + 1.3 + 1.4 + 1.5 + 1.6 + 1.7 + 1.8)
- Dòng 2 = Dòng (2.1 + 2.2 + 2.3)
- Dòng 3 = Dòng (3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4 + 3.5 + 3.6 + 3.7 + 3.8 + 3.9)
- Dòng 4 = Dòng (4.1 + 4.2)
- Dòng 5 = Dòng (5.1 + 5.2 + 5.3 + 5.4)

Biểu số: 03/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
 ngày 12 tháng 11 năm 2019
 Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
tháng/năm

Đơn vị tính: Bàn án, quyết định, việc và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số bàn án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện						
				Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới	Ủy thác thi hành án				Chia ra:			Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)			Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án				
										Thi hành xong	Đình chỉ	Giảm nghĩa vụ thi hành án						Đang thi hành	Trường hợp khác		
																				Chia ra:	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
I	Tổng số việc																				
II	Tổng số tiền																				
1	Án phi																				
2	Lệ phi																				
3	Phạt																				
4	Tịch thu																				
5	Truy thu																				
6	Thu khác																				

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 03/TK-THA

Kết quả thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành các khoản thu cho ngân sách nhà nước về việc, về tiền của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

2.1. Về việc

- Tổng số bản án, quyết định đã nhận là số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận trong kỳ, bao gồm bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Tổng số việc giải quyết là số việc cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số việc năm trước chuyển sang là số việc chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng là số việc đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số việc mới thụ lý, là số việc cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số việc ủy thác là số việc đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án và số việc ủy thác một phần).

- Việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án, là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới.

- Tổng số việc phải thi hành là số việc Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số

việc chuyển sổ theo dõi riêng, số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Việc có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm việc thi hành xong, việc đình chỉ thi hành án, việc đang thi hành và việc thuộc diện trường hợp khác.

- Việc chưa có điều kiện thi hành được xác định như sau:

+ Là việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng);

+ Việc thi hành án mà người phải thi hành án có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ khác mà đã xác định được số tiền còn lại không đủ để thi hành án hoặc tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo xét xử và thi hành cho nghĩa vụ khác;

+ Việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước.

- Tổng số việc thi hành xong là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số việc đã có quyết định đình chỉ thi hành án.

- Việc thi hành xong được xác định như sau:

+ Đương sự đã thi hành xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ theo quyết định thi hành án;

+ Chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong một phần, hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý thi hành án;

+ Việc thi hành án mà cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được thi hành án đến nhận tiền, tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ;

+ Việc thi hành án có nội dung giao số tiền, tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã thực hiện xong việc giao tiền, tài sản.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự (trừ việc đình chỉ một phần).

- Việc đang thi hành là số việc Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc trường hợp khác là số việc đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và số việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc hoãn thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc tạm đình chỉ là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

2.2. Về tiền

- Tổng số tiền theo bản án, quyết định đã nhận là số tiền trong bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận trong kỳ, bao gồm bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền và các nghĩa vụ về tài sản, nghĩa vụ khác cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số tiền năm trước chuyển sang là số tiền chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, tính đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng là số tiền đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số tiền mới thụ lý, là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số tiền ủy thác là số tiền đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án, là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới hoặc sửa quyết định thi hành án.

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền chuyển sổ theo dõi riêng, số tiền ủy thác thi hành án, số tiền thu hồi, hủy quyết định thi hành án, số tiền bị giảm do sửa quyết định thi hành án.

- Tiền có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm tiền thi hành xong, tiền đình chỉ thi hành án, giảm nghĩa vụ thi hành án, tiền đang thi hành và tiền thuộc diện trường hợp khác.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) được xác định theo các trường hợp sau:

+ Là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi Chấp hành viên xử lý tài sản của người phải thi hành án hoặc sau khi người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án.

+ Số tiền của việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần tiền để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi đối trừ giá trị tài sản tại thời điểm báo cáo mà đã giảm giá lần thứ hai không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- Tổng số tiền thi hành xong là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số tiền đã có quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án nhân dân.

- Tiền thi hành xong là số tiền thực tế cơ quan Thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong và số tiền, tài sản thi hành án đã thu được, cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được nhận tiền, tài sản đến nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; tiền, tài sản đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tiền đình chỉ thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền đang thi hành là số tiền Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền trường hợp khác là những số tiền đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số tiền của việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và tiền của việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền tạm đình chỉ là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”, “Việc”, “1.000 VNĐ” và “%”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án các khoản thu cho ngân sách nhà nước và các loại sổ sách thi hành án dân sự có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể:

a) Đối với biểu của Chấp hành viên phải ghi đầy đủ họ, tên Chấp hành viên, tên Chi cục nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Chi cục), tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; ghi tên Chấp hành viên và tên Cục Thi hành án dân sự nơi Chấp hành viên công tác (đối với Chấp hành viên công tác tại Cục).

c) Biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị, cụ thể: Đối với biểu mẫu do Chấp hành viên lập, phần người lập biểu ghi tên Chấp hành viên, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận. Đối với biểu mẫu của Chi cục và của Cục, phần người lập biểu do công chức được giao làm công tác thống kê ký, Thủ trưởng đơn vị ký xác nhận.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng

báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Đối với việc thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước

a) Cột:

- Cột số 2 = Cột (3 + 4)
- Cột 7 = Cột (8 + 15 + 16 + 17) = Cột (2 – 5 – 6)
- Cột 8 = Cột (9 + 13 + 14)
- Cột 9 = Cột (10 + 11)
- Cột 18 = Cột (13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột 19 = Cột (9/8) x 100

b) Dòng:

Dòng tổng số bản án, quyết định thống kê số lượng tương ứng với số cột.

5.2.2. Đối với thi hành khoản tiền thu cho ngân sách nhà nước

a) Cột:

- Cột số 2 = Cột (3 + 4)
- Cột 7 = Cột (8 + 15 + 16 + 17) = Cột (2 – 5 – 6)
- Cột 8 = Cột (9 + 13 + 14)
- Cột 9 = Cột (10 + 11 + 12)
- Cột 18 = Cột (13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột 19 = Cột (9/8) x 100

b) Dòng:

Dòng tổng số tiền = Dòng (1 + 2 + 3 + 4 + 5 + 6)

Biểu số: 04/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 12 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG VIỆC CHIA THEO CƠ
QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

.....tháng/năm

Đơn vị tính: Bản án, quyết định, việc và %

STT	Tên chi tiêu	Tổng số bản án, quyết định đã nhận	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn thi hành án (trừ điểm c kl, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện				
				Năm trước	Thụ lý mới				Ủy thác thi hành án	Tổng số thi hành xong	Chia ra:										
											Thi hành xong	Đình chỉ						Đang thi hành	Hoãn theo điểm c kl, Đ 48	Trường hợp khác	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
Tổng số																					
I Cục Thi hành án DS																					
1	Chấp hành viên ...																				
2	Chấp hành viên ...																				
...	...																				
II Các Chi cục THADS																					
1 Chi cục THA ...																					
1.1	Chấp hành viên ...																				
1.2	Chấp hành viên ...																				
...	...																				
2 Chi cục THA...																					
2.1	Chấp hành viên ...																				
2.2	Chấp hành viên ...																				
...	...																				

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 04/TK-THA
Kết quả thi hành án tính bằng việc chia theo cơ quan
Thi hành án dân sự và Chấp hành viên

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

- Tổng số bản án, quyết định đã nhận là số bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận trong kỳ, bao gồm bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Tổng số việc giải quyết là số việc cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số việc năm trước chuyển sang là số việc chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng là số việc đã được chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số việc mới thụ lý là số việc cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số việc ủy thác là số việc đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án và số việc ủy thác một phần).

- Việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới.

- Tổng số việc phải thi hành là số việc Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số việc chuyển sổ theo dõi riêng, số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Việc có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm việc thi hành xong, việc đình chỉ thi hành án, việc đang thi hành, việc hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự và việc thuộc diện trường hợp khác.

- Việc chưa có điều kiện thi hành được xác định như sau:

+ Là việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng);

+ Việc thi hành án mà người phải thi hành án có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ khác mà đã xác định được số tiền còn lại không đủ để thi hành án hoặc tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế hình sự, biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo xét xử và thi hành cho nghĩa vụ khác;

+ Việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước.

- Tổng số việc thi hành xong là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số việc đã có quyết định đình chỉ thi hành án.

- Việc thi hành xong được xác định như sau:

+ Đương sự đã thi hành xong toàn bộ các quyền, nghĩa vụ theo quyết định thi hành án;

+ Chấp hành viên đã tổ chức thi hành xong một phần, hoặc đình chỉ một phần quyết định thi hành án, phần còn lại đã ủy thác và đã xóa sổ thụ lý thi hành án;

+ Việc thi hành án mà cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được thi hành án đến nhận tiền, tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ;

+ Việc thi hành án có nội dung giao số tiền, tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên đã thực hiện xong việc giao tiền, tài sản.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự (trừ việc đình chỉ một phần).

- Việc đang thi hành là số việc Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật thi hành án dân sự là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn thi hành án khi đương sự đồng ý hoãn thi hành án bằng văn bản có chữ ký của đương sự.

- Việc trường hợp khác là số việc đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và số việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc hoãn thi hành án là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (trừ hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự).

- Việc tạm đình chỉ là số việc cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”, “Việc” và “%”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ sách thi hành án dân sự có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

a) Cột:

- Cột số 2 = Cột (3 + 4)
- Cột 7 = Cột (8 + 15 + 16 + 17) = Cột (2 - 5 - 6)
- Cột 8 = Cột (9 + 12 + 13 + 14)
- Cột 9 = Cột (10 + 11)
- Cột 8 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột 19 = Cột (9/8) x 100

b) Dòng:

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng I (Cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1 + 2 + ...)
- Dòng II (Các Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1 + 2 + ...)
- Dòng 1 (Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1.1. + 1.2 + 1.3 + ...)
- Dòng 2 (Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (2.1. + 2.2 + 2.3 + ...)

Biểu số: 05/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 12 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG TIỀN CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN
DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

.....tháng/năm

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện					
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới				Ủy thác thi hành án	Tổng số thi hành xong	Chia ra:			Hoàn theo điểm c k1, Đ 48			Trường hợp khác	Chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn thi hành án (trừ điểm c k1, Đ 48)	Tạm đình chỉ thi hành án	
										Thi hành xong	Đình chỉ	Giám nghĩa vụ thi hành án								Đang thi hành
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số																				
I Cục Thi hành án DS																				
1 Chấp hành viên ...																				
2 Chấp hành viên ...																				
...																				
II Các Chi cục THADS																				
I Chi cục THA ...																				
1.1 Chấp hành viên ...																				
1.2 Chấp hành viên ...																				
...																				
2 Chi cục THA ...																				
2.1 Chấp hành viên ...																				
2.2 Chấp hành viên ...																				
...																				

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 05/TK-THA
Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan
Thi hành án dân sự và Chấp hành viên

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

- Tổng số tiền theo bản án, quyết định đã nhận là số tiền trong bản án, quyết định cơ quan Thi hành án dân sự nhận trong kỳ, bao gồm bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết của Trọng tài thương mại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng xử lý vụ việc hạn chế cạnh tranh, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Chủ tịch Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, Hội đồng giải quyết khiếu nại quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh.

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền và các nghĩa vụ về tài sản, nghĩa vụ khác cơ quan Thi hành án dân sự phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Số tiền năm trước chuyển sang là số tiền chưa tổ chức thi hành xong tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng).

- Số tiền đã chuyển số theo dõi riêng là số tiền đã được chuyển số theo dõi riêng theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Số tiền mới thụ lý là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trong kỳ báo cáo.

- Số tiền ủy thác là số tiền đã được cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 55 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án là trường hợp cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án mà không ra quyết định thi hành án mới hoặc sửa quyết định thi hành án.

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số

tiền chuyển sổ theo dõi riêng, số tiền ủy thác thi hành án, số tiền thu hồi, hủy quyết định thi hành án, số tiền bị giảm do sửa quyết định thi hành án.

- Tiền có điều kiện là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, bao gồm tiền thi hành xong, tiền đình chỉ thi hành án, giảm nghĩa vụ thi hành án, tiền đang thi hành, tiền hoãn theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 48 Luật Thi hành án dân sự và tiền thuộc diện trường hợp khác.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) được xác định như sau:

+ Là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a Luật Thi hành án dân sự;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi Chấp hành viên xử lý tài sản của người phải thi hành án hoặc sau khi người được thi hành án nhận tài sản để trừ vào tiền thi hành án.

+ Số tiền của việc thi hành các khoản thu cho Nhà nước trong trường hợp thi hành bản án, quyết định của Tòa án có xử lý tài sản bảo đảm thi hành khoản nợ xấu trong thời gian thực hiện thí điểm theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội, nếu giá trị tài sản không đủ hoặc chỉ vừa đủ thi hành khoản thu cho tổ chức tín dụng mà người phải thi hành án không có tài sản nào khác và tổ chức tín dụng cũng không đồng ý trích một phần tiền để thi hành khoản thu cho ngân sách nhà nước;

+ Số tiền còn phải thi hành sau khi đối trừ giá trị tài sản tại thời điểm báo cáo mà đã giảm giá lần thứ hai không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành.

- Tổng số tiền thi hành xong là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã thi hành xong và số tiền đã có quyết định đình chỉ thi hành án, quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án nhân dân.

- Tiền thi hành xong là số tiền thực tế cơ quan Thi hành án dân sự đã tổ chức thi hành xong và số tiền, tài sản thi hành án đã thu được, cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo cho người được nhận tiền, tài sản đến nhận theo quy định tại khoản 5 Điều 47, khoản 2 Điều 126 Luật Thi hành án dân sự, khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 49 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ; tiền, tài sản đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tiền đình chỉ thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 50 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền giảm nghĩa vụ thi hành án là số tiền Tòa án nhân dân cùng cấp đã ra quyết định giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.

- Tiền đang thi hành là số tiền Chấp hành viên vẫn đang tiến hành các biện pháp cần thiết để tổ chức thi hành theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn thi hành án khi đương sự đồng ý hoãn thi hành án bằng văn bản có chữ ký của đương sự.

- Tiền trường hợp khác là những số tiền đang trong thời gian tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; số tiền của việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án và tiền của việc đang trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (trừ hoãn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 48 Luật Thi hành án dân sự).

- Tiền tạm đình chỉ là số tiền cơ quan Thi hành án dân sự đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “1.000 VNĐ” và “%”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án dân sự và các loại sổ sách thi hành án dân sự có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Đối với các số liệu được lấy từ các biểu thống kê của Chấp hành viên phải được tổng hợp theo thứ tự: Chấp hành viên xác định nguồn số liệu, xây dựng báo cáo. Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu từ các Chấp hành viên thuộc đơn vị. Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

Đối với các báo cáo thống kê lấy từ nguồn khác, đơn vị lập báo cáo thống kê xác định nguồn số liệu, tính toán, ghi chép, tổng hợp và lập biểu báo cáo thống kê theo quy định.

5.2.1. Cột:

- Cột số 1 = Cột (2 + 3)
- Cột 6 = Cột (7 + 15 + 16 + 17) = Cột (2 - 4 - 5)
- Cột 7 = Cột (8 + 12 + 13 + 14)
- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)
- Cột 18 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16 + 17)
- Cột số 19 = Cột (8/7) x 100

5.2.2. Dòng:

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng I (Cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1 + 2 + ...)
- Dòng II (Các Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1 + 2 + ...)
- Dòng 1 (Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (1.1. + 1.2 + 1.3 + ...)
- Dòng 2 (Chi cục Thi hành án dân sự) = Dòng (2.1. + 2.2 + 2.3 + ...)

Biểu số: 06/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 12 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ ĐỀ NGHỊ, XÉT MIỄN VÀ GIÁM NGHĨA VỤ
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**
.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:
Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc và 1.000 đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số đề nghị xét miễn		Số đã được xét miễn		Số đề nghị giảm		Số đã được xét giảm	
		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
	A	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-
I	Cục Thi hành án DS								
II	Các Chi cục THADS								
1	Chi cục Thi hành án...								
2	Chi cục Thi hành án...								
3	Chi cục Thi hành án...								
...	...								

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng năm 20....

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20....

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 06/TK-THA
Kết quả đề nghị xét miễn và giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh kết quả lập hồ sơ đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự và kết quả Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

Số đề nghị xét miễn là số việc, số tiền đã được Chi cục Thi hành án dân sự phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân lập hồ sơ, đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp đề xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Số đã xét miễn là số việc, số tiền Tòa án nhân dân cùng cấp đã ra quyết định miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự, cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ thi hành án và xóa sổ thụ lý thi hành án.

Số đề nghị xét giảm là số việc, số tiền Chi cục Thi hành án dân sự phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân lập hồ sơ, đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp để xem xét, quyết định việc cho giảm một phần nghĩa vụ thi hành án dân sự.

Số đã xét giảm là số việc, số tiền Tòa án nhân dân cùng cấp đã ra quyết định giảm một phần nghĩa vụ thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”, “1.000 VNĐ”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án, Hồ sơ sơ đề nghị xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án; quyết định xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án của Tòa án.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + ...)

Biểu số: 07/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 12 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ CƯỜNG CHẾ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

.....tháng/năm

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Chia ra:			Kết quả cưỡng chế	Chia ra:			Đơn vị tính: Việc
			Cưỡng chế không huy động lực lượng	Cưỡng chế có huy động lực lượng	Cưỡng chế thành công		Đương sự tự nguyện trước khi cưỡng chế	Cưỡng chế không thành công	Chưa tổ chức cưỡng chế	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	
	Tổng số	-	-	-	-	-	-	-	-	
I	Cục Thi hành án DS									
II	Các Chi cục THADS									
1	Chi cục THADS...									
2	Chi cục THADS...									
3	Chi cục THADS...									
...	...									

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 07//TK-THA

Kết quả cưỡng chế thi hành án

1. Nội dung

Phản ánh kết quả áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

Việc cưỡng chế là số việc Chấp hành viên đã ra quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự.

Mỗi quyết định cưỡng chế thi hành án được tính là một việc cưỡng chế.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

- Dòng tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + ...)

Biểu số: 08/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 12 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị báo cáo:

Đơn vị nhận báo cáo:

.....tháng/năm

STT	Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)	Đơn trùng (Đơn)	Chia theo thời điểm thụ lý			Số việc tiếp nhận (Việc)						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết				Chia ra:			Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)			
				Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Chia ra:			Chia theo thẩm quyền giải quyết						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác	Đúng toàn bộ	Đúng một phần	Sai toàn bộ	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau			
							Số	Số	Số	Quyết định về thi hành án			Áp dụng biện pháp cưỡng								Áp dụng biện pháp bảo đảm	Nội dung khác	
										thành án	định thi hành	định ủy thác	Quyết định hoãn/ Đình chỉ/ Tạm đình chỉ	Cưỡng chế kê biên tài sản	Cưỡng chế giao tài sản bán đấu giá								Biện pháp cưỡng chế khác
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
I	Tổng số (Khiếu nại)																						
II	Tổng số (Tố cáo)																						
1	Cục Thi hành án dân sự																						
1.1	Khiếu nại																						
1.2	Tố cáo																						
2	Các Chi cục THADS																						
2.1	Khiếu nại																						
2.2	Tố cáo																						
2.1.1	Chi cục THADS...																						
2.1.1.1	Khiếu nại																						
2.1.1.2	Tố cáo																						
2.1.2	Chi cục THADS...																						

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị B

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 08/TK-THA

Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

Việc khiếu nại là việc đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật khiếu nại các quyết định, hành vi của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự, của Chấp hành viên.

Việc tố cáo là việc công dân theo quy định của pháp luật tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm pháp luật của Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên và công chức khác làm công tác thi hành án dân sự.

Mỗi trường hợp khiếu nại, tố cáo (một hoặc nhiều đơn nhưng trùng lặp nội dung) được thụ lý được tính là một việc khiếu nại, việc tố cáo.

Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự là số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự.

Số việc thuộc thẩm quyền của cơ quan khác là số việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc” và “Đơn”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án, Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo và các loại sổ sách có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể, không được để trống và có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư

pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Theo cột

- Cột 3 = Cột (4 + 5) = Cột (6 + 15)
- Cột 6 = Cột (7 + 8 + 9 + 10 + 11 + 12 + 13 + 14)
- Cột 16 = Cột (17 + 18 + 19 + 20 + 21)

5.2.2. Theo dòng

- Dòng I = Dòng (1.1 + 2.1 + ...)
- Dòng II = Dòng (1.2 + 2.2 + ...)

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP

ngày 12 tháng 11 năm 2019

Ngày nhận báo cáo:

TIẾP CÔNG DÂN TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị báo cáo:

.....tháng/năm

Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc, Đoàn và Lượt

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng			Đoàn đông người			Lãnh đạo cơ quan tiếp			Số việc tiếp nhận (việc)						Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền				
		Số lượt người	Số vụ việc	Số người	Số vụ việc	Số người	Số vụ việc	Số lượt	Số người	Số vụ việc	Chia theo nội dung			Chia theo thẩm quyền							
											Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Thuộc thẩm quyền	Khác				
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	Tổng số																				
1	Cục THADS																				
2	Chi cục THADS																				
3	Chi cục THADS																				
...	...																				

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 09/TK-THA

Tiếp công dân trong thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh tình hình tiếp công dân trong thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

Việc tiếp công dân là số việc công dân theo quy định của pháp luật tiếp công dân đến trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự trình bày trực tiếp các nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự.

Mỗi trường hợp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (một hoặc nhiều lần tiếp nhưng trùng lặp nội dung) được tính là một việc.

Đoàn đông người là trường hợp có từ 05 công dân trở lên cùng đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về cùng 01 nội dung (một hoặc nhiều lần tiếp nhưng trùng lặp nội dung) được tính là một việc.

Lãnh đạo cơ quan tiếp là trường hợp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được lãnh đạo cơ quan (Lãnh đạo Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự) tiếp theo quy định của Luật tiếp công dân về Thủ trưởng cơ quan tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất (một hoặc nhiều lần tiếp nhưng trùng lặp nội dung) được tính là một việc.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”, “Đoàn” và “Lượt”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án, Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo, sổ tiếp công dân và các loại sổ sách có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể, không được để trống và có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Theo cột

- Các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được lấy từ sổ ghi chép tiếp công dân trong kỳ báo cáo

- Cột số 10 = Cột 14 = Cột 3 + Cột 6 = Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 = Cột 15 + Cột 16

- Cột số 15 = Cột 17 = Cột 18 + Cột 19

5.2.2. Theo dòng

- Dòng tổng số được tổng hợp từ các dòng 1, 2, 3, 4

- Dòng số 1, 2, 3, 4 được tổng hợp trực tiếp từ sổ tố cáo, sổ khiếu nại của các Chi cục THADS, Cục THADS, Tổng cục THADS

Biểu số: 10/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
 ngày 12 tháng 11 năm 2019
 Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ GIÁM SÁT, KIỂM SÁT THỊ HÀNH ÁN DÂN SỰ

Đơn vị báo cáo:

.....tháng/năm

Đơn vị nhận báo cáo:

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám sát (cuộc)						Kết quả thực hiện kháng nghị kiểm sát (cuộc)						Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm sát (bản kiến nghị)									
		Cơ quan giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		Tổng số kháng nghị đã nhận	Kháng nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp		Kháng nghị khác		Tổng số kiến nghị đã nhận	Kiến nghị của cuộc kiểm sát trực tiếp		Kiến nghị khác									
		Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Khác		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Chưa thực hiện		Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Giải trình					
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Tổng số																							
I	Cục Thi hành án dân sự																						
II	Các Chi cục THADS																						
1	Chi cục THADS...																						
2	Chi cục THADS...																						
3	Chi cục THADS...																						
...	...																						

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 10/TK-THA

Kết quả giám sát, kiểm sát thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh tình hình giám sát, kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của cơ quan có thẩm quyền và việc thực hiện các kết luận giám sát; thực hiện kháng nghị, kiến nghị kiểm sát và trách nhiệm giải trình của cơ quan Thi hành án dân sự, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

2. Giải thích từ ngữ

Cuộc giám sát, kiểm sát đã có quyết định kiểm sát và có kết luận kiểm sát là việc các cơ quan có thẩm quyền hoặc Viện kiểm sát nhân dân tiến hành giám sát, kiểm sát trực tiếp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Mỗi quyết định, thông báo giám sát, kiểm sát và đã có kết luận kiểm sát của cơ quan có thẩm quyền được tính là một cuộc giám sát, kiểm sát.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Cuộc”, “Bản kiến nghị”, “Bản kháng nghị”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án, kết luận giám sát, kết luận kiểm sát; thông báo kết quả giám sát, thông báo kết quả kiểm sát; kháng nghị, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể, không được để trống và có đầy đủ chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Chi cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Chi cục, Cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo

của Cục Thi hành án dân sự. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Theo cột

- Cột 1 = Cột (2 + 3 + 4 + 5) = Cột (6 + 7 + 8)

- Cột 9 = Cột (10 + 11 + 12 + 13 + 14 + 15)

- Cột 16 = Cột (17 + 18 + 19 + 20 + 21 + 22)

5.2.2. Theo dòng

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 +)

Biểu số: 11/TK-THA
Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
ngày 12 tháng 11 năm 2019
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ BỎ THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
.....tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo:
Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Triệu và 1.000 VN đồng

Số TT	Tên chỉ tiêu	Tổng số việc thụ lý						Kết quả giải quyết						Kết quả chi trả						Kết quả thực hiện hoàn trả					
		Tổng số	Chia ra:		Số việc chưa có bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật	Đã có bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật		Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Đã chi trả cho người bị thiệt hại		Đã có Quyết định hoàn trả có hiệu lực pháp luật		Số việc	Số tiền	Đã thực hiện hoàn trả		Số việc	Số tiền				
			Năm trước chuyển sang	Thụ lý mới		Năm trước chuyển sang	Chia ra:					Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền			Số việc	Số tiền						
																						Trong kỳ báo cáo	Số việc	Số tiền	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18						
Tổng số																									
I	Cục Thi hành án DS																								
II	Các Chi cục THADS																								
1	Chi cục THADS...																								
2	Chi cục THADS...																								
3	Chi cục THADS...																								
...	...																								

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày ... tháng ... năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 11/TK-THA

Kết quả bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh tình hình bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.

2. Giải thích từ ngữ

Là việc được cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Mỗi quyết định thụ lý được tính là một việc bồi thường của Nhà nước.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”, “1.000 VNĐ”.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết bồi thường và các sổ sách có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể, không được để trống và có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Chi cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Chi cục, Cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Theo cột

- Cột 1 = Cột (2 + 3)
- Cột 5 = Cột (7 + 9)
- Cột 6 = Cột (8 + 10)

5.2.2. Theo dòng

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + 3 + ...).

Biểu số: 12/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 06/2019/TT-BTP
 ngày 12 tháng 11 năm 2019
 Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THEO DỐI VIỆC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH
tháng/năm

Đơn vị báo cáo:
 Đơn vị nhận báo cáo:

Đơn vị tính: Việc

Số TT	Tên chỉ tiêu	Kết quả theo dõi thi hành án hành chính												Số trường hợp người phải thi hành án bị xử lý trách nhiệm theo kiến nghị của cơ quan THADS						
		Chia ra:						Chia ra:												
		Chia ra:			Chia ra:			Chia ra:			Chia ra:									
		Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Năm trước chuyển sang	Tổng số bản án, quyết định có nội dung theo dõi	Tổng số bản án, quyết định không có nội dung theo dõi	Thụ lý mới	Thụ lý mới	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi	Kỷ trước chuyển sang	Thụ lý mới	Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi	Số bản án đã có QĐ buộc THAHC	Số bản án đã có QĐ buộc THAHC		Tổng số bản án, quyết định của Tòa án được theo dõi	Chia ra:				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số																			
I	Cục THADS																			
II	Các Chi cục THADS																			
1	Chi cục THADS.....																			
2	Chi cục THADS.....																			

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị B

Tỉnh, thành phố A, ngày...tháng...năm 20...

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn A

GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 12/TK-THA

Kết quả theo dõi việc thi hành án hành chính

1. Nội dung

Phản ánh tình hình theo dõi việc thi hành bản án, quyết định hành chính theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

2. Giải thích từ ngữ

Số bản án, quyết định có nội dung theo dõi là số bản án, quyết định của Tòa án có nội dung tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc người phải thi hành án phải thực hiện nội dung nhất định.

Số bản án, quyết định không có nội dung theo dõi là số bản án, quyết định của Tòa án có nội dung tuyên đình chỉ giải quyết vụ án, bác yêu cầu khởi kiện hoặc chấp nhận yêu cầu khởi kiện nhưng chỉ có nội dung tuyên về phần tài sản, không có nội dung phải theo dõi thi hành án hành chính.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”. Mỗi văn bản theo dõi thi hành án hành chính được tính là một việc.

4. Nguồn số liệu

Số liệu trong biểu mẫu được lấy từ Hồ sơ theo dõi thi hành án hành chính và các sổ sách có liên quan.

5. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

5.1. Cách ghi phần chung

Các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ, cụ thể, không được để trống và có chữ ký của người lập biểu và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị.

5.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Chi cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Chi cục, Cục Thi hành án dân sự lập báo cáo của Cục Thi hành án dân sự và tổng hợp số liệu thống kê của toàn tỉnh từ số liệu thống kê của Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục trực thuộc. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của Cục Thi hành án dân sự. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội tổng hợp cả số liệu của cơ quan Thi hành án trong quân đội.

5.2.1. Theo cột

- Cột 1 = Cột (2 + 5)
- Cột 2 = Cột (3 + 4)
- Cột 6 = Cột (7 + 8 + 9 + 10)
- Cột số 11 = Cột (12 + 17)
- Cột số 12 = Cột (13 + 14 + 15 + 16)
- Cột 17 = Cột (18 + 19)

5.2.2. Theo dòng

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 +).